

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 17/TTr-SNN ngày 13/01/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

**1.** Công bố danh mục 02 TTHC cấp tỉnh sửa được sửa đổi, bổ sung (*Có phụ lục I kèm theo*).

**2.** Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp đối với 02 TTHC cấp tỉnh được công bố tại khoản 1 Điều này (*Có Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Bãi bỏ 02 TTHC cấp tỉnh tại (*Số thứ tự 02, 03. mục A, phụ lục I*); bãi bỏ 05 quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại (*Số thứ tự 02, 03 mục I, phụ lục II*) được công bố tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Có phụ lục III kèm theo*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27/01/2025./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03 bản).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**

**Phụ lục I:**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 02 DANH MỤC**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>					
1.	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đồi với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	<p>- Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: 30 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: 45 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	<p>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>

2.	<p>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế</p>	<p>- Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền TRTT theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền TRTT theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền:</p> <p>+ 37 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Sở NN&amp;PTNT tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>
----	--	--	--	--	--------------	---

		<p>rừng của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT.</p> <p>+ 42 ngày kể từ ngày Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT.</p>				
--	--	---	--	--	--	--

**Phụ lục II:****QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT***(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày            tháng            năm            của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA****1. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế****1.1. Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa:**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 22,5 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 7,5 ngày (25%).
- Trình tự thực hiện:

<b>TT</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Sản phẩm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B4	Thành lập HĐTD và tổ chức Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Quyết định thành lập HĐTD, Phiếu ghi ý kiến thành viên HĐTD; Biên bản họp HĐTD; Báo cáo thẩm định, Tờ trình và dự thảo Quyết định</i> )	12,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt	7,25 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	1/4 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>22,5 ngày</b>

## 1.2. Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 33,75 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 11,25 ngày (25%).
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thành lập HĐTD và tổ chức Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Quyết định thành lập HĐTD, Biên bản kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa; Phiếu ghi ý kiến thành viên HĐTD; Biên bản họp HĐTD; Báo cáo thẩm định, Tờ trình của SNN&amp;PTNT và dự thảo Quyết định</i> )	23,75 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày



B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt Phương án	7,25 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	1/4 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>33,75 ngày</b>

## 2. Tên TTHC: Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

### 2.1. Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 22 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 22 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (0%).
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh</i> )	3 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh	1,75 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan Văn bản của UBND tỉnh</i> )	1/4 ngày
B12	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B13	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	5 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>19 ngày</b>

## 2.2 Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

a) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 57 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 57 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (0%).
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh gửi BNN&amp;PTNT</i> )	4 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình của UBND tỉnh</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Chuyển hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác	UBND tỉnh	Tờ trình đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác	1 ngày
B11	Đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận TRTT cung cấp thông tin về địa điểm, đơn giá TRTT trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT	5 ngày
B12	Xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế	12 ngày
B13	Thông báo đến UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT	3 ngày

B14	Thông báo đến Chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	5 ngày
B15	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	10 ngày
B16	Chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế đến chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chuyển đủ số tiền do Chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Văn bản của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế của chủ dự án	5 ngày
B17	Điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	Kinh phí trồng rừng thay thế được chuyển về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	10
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>57 ngày</b>

**b) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền**

**\* Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 37 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 37 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (0%).
- Trình tự thực hiện:

<b>TT</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Sản phẩm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i> )	3 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày

B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình và Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	<i>Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>	1,75 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	1/4 ngày
B12	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B13	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	5 ngày
B14	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	5 ngày
B15	Nộp bổ sung số tiền chênh lệch so với đơn giá đơn giá TRTT của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>37 ngày</b>



**\* Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 42 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (0%).
- Trình tự thực hiện:

<b>TT</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Sản phẩm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i> )	3 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình và Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i> )	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh	1,75 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	1/4 ngày
B12	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B13	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	5 ngày
B14	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền Trồng rừng thay thế về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	5 ngày
B15	Hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ	Hoàn trả đủ kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	15 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>42 ngày</b>

**Phụ lục III:**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Nội dung quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình bị bãi bỏ	Ghi chú
<b>A. CẤP TỈNH</b>			
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	<p>- Công bố danh mục: Số thứ tự 02, mục A, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục B phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p> <p>- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục I phần II ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục B phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Nội dung quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình bị bãi bỏ	Ghi chú
2	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	<p>- Công bố danh mục: Số thứ tự 03, mục A, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục B phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p> <p>- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 03 mục I phần II ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục B phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p>	